

THÔNG BÁO

Về phương án thực hiện tổ hợp môn lựa chọn và xếp lớp cho học sinh khối 10 năm học 2026-2027

Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT về Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 của Bộ GD&ĐT Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ tình hình thực tế đội ngũ cán bộ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có của nhà trường;

Trường THPT Mông Dương xây dựng về phương án thực hiện tổ hợp môn lựa chọn và xếp lớp cho học sinh khối 10 năm học 2026-2027 cụ thể như sau:

1. PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN TỔ HỢP MÔN LỰA CHỌN

1.1. Chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 được giao (Căn cứ Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 20/3/2026 của UBND Tỉnh Về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông, tuyển sinh trường phổ thông dân tộc nội trú và trường phổ thông nội trú năm học 2026-2027 tỉnh Quảng Ninh)

- Số lớp: 6 lớp.
- Số học sinh: 270 học sinh.

1.2. Phương án phân lớp theo tổ hợp môn lựa chọn và cụm chuyên đề học tập

STT	Lớp	Tổ hợp môn lựa chọn	Cụm chuyên đề học tập
1	10A1	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	Toán, Vật lí, Hóa học
2	10A2	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	Toán, Vật lí, Tiếng Anh
3	10A3	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
4	10A4	Địa lí, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tin học, Công nghệ	Toán, Ngữ văn, Lịch sử
5	10A5, 10A6	Vật lí, Địa lí, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Công nghệ	Toán, Ngữ văn, Địa lí

1.3. Một số lưu ý khác

Môn Âm nhạc và Mĩ thuật chưa có giáo viên nên chưa đưa vào lựa chọn.

Môn Ngoại ngữ 2 hoặc tiếng dân tộc: Không lựa chọn.

Học kỳ I dạy 18 tuần, học kỳ 2 dạy 17 tuần, mỗi tuần học 6 buổi, mỗi buổi không quá 5 tiết, mỗi tiết 45 phút.

(Tổng quan được thể hiện trong **Phụ lục** “Phân phối chương trình lớp 10 năm học 2026-2027”)

Việc bố trí các tổ hợp môn lựa chọn, sắp xếp các lớp dựa trên cơ sở lực lượng, đội ngũ hiện tại; nếu có biến động về cán bộ, giáo viên nhà trường sẽ điều chỉnh lại phương án tổ hợp môn và sắp xếp lớp 10 năm học 2026-2027 cho phù hợp với điều kiện thực tế trước khi tổ chức thực hiện.

2. CÁC NGUYỆN VỌNG KHI ĐĂNG KÝ LỚP HỌC

2.1. Mỗi học sinh có 5 nguyện vọng lựa chọn tổ hợp môn học để đăng ký lớp học tương ứng với việc sắp xếp thứ tự ưu tiên các lựa chọn, theo nguyện vọng từ nhỏ đến lớn.

- Nguyện vọng 1: Là nguyện vọng đăng ký chọn lớp thuộc nhóm các môn học được ưu tiên chọn đầu tiên.

- Nguyện vọng 2: Là nguyện vọng đăng ký chọn lớp thuộc nhóm các môn học sau khi không đảm bảo điều kiện vào lớp theo nguyện vọng 1.

- Nguyện vọng 3: Là nguyện vọng đăng ký chọn lớp thuộc nhóm các môn học sau khi không đảm bảo điều kiện vào lớp theo nguyện vọng 2.

- Tiếp diễn tương tự, cho đến Nguyện vọng 5.

2.2. Đăng ký nguyện vọng

Mỗi học sinh sau khi trúng tuyển vào trường sẽ được phát 01 phiếu để đăng ký nguyện vọng, trong phiếu ghi rõ các ô nguyện vọng 1, 2, 3, 4, 5 tương ứng với các tổ hợp môn; học sinh lựa chọn và nộp về nhà trường trong thời gian quy định để làm căn cứ xếp lớp. Nếu học sinh không nộp phiếu đảm bảo thời gian quy định hoặc nộp phiếu đăng ký chưa hợp lệ (chưa tích đủ nguyện vọng) thì nhà trường sẽ sắp xếp lớp bất kì cho học sinh để phù hợp với sĩ số các lớp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (để b/c);
- Các trường THPT trong vùng TS (để p/h);
- Website: c3mongduong.edu.vn;
- Lưu: VT.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Thái Quảng

Phụ lục: (Kèm theo Thông báo số 278/TB-THPTMD ngày 07/7/2026 của Trường THPT Mông Dương)

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 10 NĂM HỌC 2026-2027

Tổng số lớp: 5 lớp. Học kỳ I dạy 18 tuần, học kỳ II dạy 17 tuần.

Nội dung	Môn học/hoạt động giáo dục	Lớp 10A1			Lớp 10A2			Lớp 10A3			Lớp 10A4			Lớp 10A5, 10A6		
		Kỳ 1	Kỳ 2	CN	Kỳ 1	Kỳ 2	CN	Kỳ 1	Kỳ 2	CN	Kỳ 1	Kỳ 2	CN	Kỳ 1	Kỳ 2	CN
Môn học bắt buộc	Toán	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105
	Ngữ Văn	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105
	Tiếng Anh	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105
	Giáo dục thể chất	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70
	Giáo dục QPAN	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
	Lịch Sử	18	34	52	18	34	52	18	34	52	18	34	52	18	34	52
Nhóm môn KHXH	Địa Lí										36	34	70	36	34	70
	Giáo dục KT và PL										36	34	70	36	34	70
Nhóm môn KHTN	Vật Lí	36	34	70	36	34	70	36	34	70				36	34	70
	Hóa Học	36	34	70	36	34	70	36	34	70						
	Sinh Học	36	34	70	36	34	70	34	70	34						
	Công nghệ										36	34	70	36	34	70
Nhóm môn Công nghệ và Nghệ thuật	Tin học	36	34	70	36	34	70	34	70	34	36	34	70			
	Âm nhạc															
	Mỹ thuật															
Chuyên đề học tập	Cụm chuyên đề Toán	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
	Cụm chuyên đề Vật lí	18	17	35	18	17	35									
	Cụm chuyên đề Hóa học	18	17	35												
	Cụm chuyên đề Ngữ văn							18	17	35	18	17	35	18	17	35
	Cụm chuyên đề Lịch sử										18	17	35			

[illegible]